

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM
KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ
(Từ tháng 1/2026 đến tháng 12/2026)**

1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2500mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại Bắc Quang (Tuyên Quang) 5085mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao, tình hình thủy văn có xu thế biến đổi chậm trong thời kỳ mùa cạn (từ tháng 01-04/2025 và từ tháng 11-12/2025); mùa lũ (từ tháng 5-10/2025) xuất hiện nhiều đợt dao động, 10 đợt lũ nhỏ và vừa với đỉnh lũ dưới BĐ1 và 02 đợt lũ lớn và đặc biệt lớn xảy ra vào cuối tháng VIII và cuối tháng IX sang đầu tháng X. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%. + Trên sông Đà, từ tháng 01-06/2025 và từ tháng 11-12/2025, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La. Từ tháng 07-10/2025, trên sông Đà xuất hiện 5 đợt dao động và 1 đợt lũ, đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đã đạt đỉnh ở mức 11247 m ³ /s (lúc 21h/29/9), dưới BĐ3 753 m ³ /s. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN 19%. + Trên sông Lô, từ tháng 1/2025 đến đầu tháng 5/2025 mực nước tại trạm Tuyên Quang biến đổi và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên, trong đó có 2 đợt dao động mạnh do hồ Tuyên Quang tăng cường phát điện, tăng lưu lượng xả xuống hạ lưu, phục vụ đổ ải vụ Đông Xuân năm 2024-2025. Cuối tháng 5, trên lưu vực xảy ra 1 trận lũ tiểu mãn nhưng mực nước tại trạm Tuyên Quang không vượt qua mức BĐ1. Tháng 6/2025, trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang đã xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ đạt 20,34m (lúc 1h/29/6), biên độ 3,79m. Từ tháng 7-9/2025 là thời kỳ mùa lũ, mực nước tại trạm Tuyên Quang có dao động và xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ là 26,34m (lúc 4h/02/10) trên

BĐ3 0.34m, dưới mức lũ lịch sử 5,03m. Cuối tháng 10 đến hết năm 2025, dòng chảy trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy sông Lô tại trạm Tuyên Quang xấp xỉ TBNN.

+ Trên sông Hồng, trong thời kỳ mùa cạn (từ tháng 1- 4/2025) mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này có 2 đợt các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2024-2025 đợt 1: từ 12-16/1; đợt 2: từ 8/2-14/2. Mùa lũ năm 2025 trên sông Hồng xảy ra 7 trận lũ, trong đó có 4 trận lũ với biên độ lũ lớn hơn 2,0m và 2 trận lũ biên độ nhỏ hơn 2,0m, trận lũ lớn nhất xảy ra từ ngày 28/9-2/10, đỉnh lũ tại trạm Hà Nội đạt đỉnh 9,56m (22h/01/10) trên BĐ1 là 0,06m, trong đợt lũ này hồ Hòa Bình mở 2 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở 08 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 25%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2000mm, có nơi trên 2500mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Thao, từ tháng 1-4/2026 tình hình thủy văn có xu thế biến đổi chậm. Từ tháng 5-6/2026, có khả năng xuất hiện các đợt dao động và lũ nhỏ. Mùa lũ chính vụ trên sông Thao tập trung chủ yếu từ tháng 7-9/2026 và có khả năng xuất hiện 7-9 đợt lũ; từ tháng 10-12/2026 mực nước có dao động và biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy sông Thao tại Yên Bái thấp hơn TBNN là khoảng 20%.

+ Trên sông Đà, từ tháng 01-06/2026 và từ tháng 10-12/2026 dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La. Từ tháng 07-09/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ tăng do là thời kỳ lũ chính vụ và có khả năng xuất hiện 4-5 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình 12 tháng tới có khả năng ở mức thấp hơn TBNN 8-10%.

+ Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, từ tháng 1/2026 đến đầu tháng 5/2026 ít có khả năng xuất hiện lũ, mực nước dao động và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Từ cuối tháng 05-06/2026, có khả năng xuất hiện một số đợt lũ nhỏ. Từ tháng 7-9/2026 là thời kỳ lũ chính vụ, trên sông Lô có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ với mực nước đạt mức BĐ1-BĐ2. Tổng lượng dòng chảy sông Lô tại trạm Tuyên Quang 12 tháng tới thấp hơn TBNN 40%.

+ Trên sông Hồng, từ tháng 1- 4 là thời kỳ mùa cạn hàng năm mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu điều tiết của thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này có 2 đợt các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2025-2026 đợt 1: từ 16-20/1; đợt 2: từ 29/1-4/2 nên mực nước hạ lưu sông Hồng có sẽ tăng trong thời kỳ này. Từ tháng 5 dòng chảy hạ lưu sông Hồng có xu thế tăng dần. Từ tháng 6-10 là thời kỳ mùa lũ chính vụ hàng năm; trong thời kỳ mùa lũ chính vụ, có khả năng xuất hiện 4-5 đợt lũ.

Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 9%.

2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2200mm; có nơi cao hơn; đặc biệt tại Cúc Phương (Ninh Bình) 2877mm, ...

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Từ tháng 01/2025 đến nửa đầu tháng 5/2025 là thời kỳ cuối mùa cạn ở Bắc Bộ nói chung và lưu vực sông Thái Bình nói riêng, dòng chảy trên các sông phổ biến biến đổi chậm. Mực nước ở khu vực thượng lưu các sông trên lưu vực sông Thái Bình biến đổi chậm ở mức thấp, hạ lưu các sông biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

+ Từ giữa tháng 5/2025, lũ tiểu mãn xuất hiện là thời kỳ chuyển tiếp sang mùa lũ. Từ tháng 6/2025 đến nửa đầu tháng 10/2025 là thời kỳ mùa lũ chính vụ, trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện 6-7 đợt lũ, trong đó có 01 đợt lũ đặc biệt lớn (ghi nhận nhiều giá trị lũ lịch sử), 02 đợt lũ lớn và một số đợt lũ nhỏ. Lưu lượng dòng chảy biến động mạnh theo từng đợt lũ, tổng lượng dòng chảy trong mùa lũ đều cao hơn nhiều so với TBNN.

+ Từ giữa tháng 10/2025 đến giữa tháng 01/2026, lưu vực sông lại chuyển sang trạng thái mùa khô, ít mưa nên lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Tuy nhiên, lượng dòng chảy cuối mùa lũ sang đầu mùa cạn khá dồi dào, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn nhiều so với TBNN.

Tình hình dòng chảy trên các sông lưu vực sông Thái Bình từ tháng 01/01/2025 đến 31/12/2025 cụ thể như sau:

+ Trên sông Cầu tổng lượng dòng chảy cả năm tính tại trạm Gia Bảy ở

mức cao hơn TBNN 55%. + Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tính tại trạm Chũ ở mức cao hơn so với TBNN 78%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1300-2000mm, có nơi trên 2300mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Từ giữa tháng 01/2026 đến giữa tháng 05/2026, lưu vực sông trong thời kì mùa khô ít mưa, lượng dòng chảy được bổ cập chủ yếu từ nước ngầm và dòng chảy ra khỏi hồ chứa nhỏ, do đó lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm, đôi khi có dao động nhỏ. + Từ giữa tháng 5-2026 đến tháng 10/2026 dòng chảy tại các trạm lưu vực sông Thái Bình sẽ tăng do giai đoạn này là thời kì mùa mưa, mùa lũ chính vụ. Tổng lượng dòng chảy tăng và cao hơn TBNN. + Từ tháng 11-12/2026, dòng chảy đến các sông sẽ giảm dần xuống mức thấp hơn lưu lượng dòng chảy trung bình cả năm. Mực nước trên các sông sẽ xuống dần, hạ lưu chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều Tổng lượng dòng chảy từ tháng 01/2026 đến tháng 12/2026 như sau: + Trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy có khả năng cao hơn mức TBNN 30% + Trên sông Lục Nam tại trạm Chũ có khả năng cao hơn mức TBNN 27%.

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 2300-3500mm, riêng Quảng Trị đến TP.Huế 4000-5700mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + <i>Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:</i> Trong các tháng 1-6/2025, mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Nửa cuối tháng 5-6, trên sông thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 1-6/2025, trên các sông ở Thanh Hóa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-40%; các sông ở Nghệ An phổ biến ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN, riêng tháng 5-6 thấp hơn TBNN từ 12-27%; các sông ở Hà Tĩnh phổ biến thấp hơn từ 6-57% riêng các tháng 5-6

cao hơn từ 10-125%.

Trong tháng 7, từ ngày 21-22/7, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện lũ, mực nước đỉnh lũ trên các sông ở Thanh Hóa ở mức BĐ1-BĐ2, hạ lưu còn dưới mức BĐ1; trung thượng lưu các sông ở Nghệ An đều trên mức BĐ3, một số trạm vượt mức lũ lịch sử, tại các trạm vùng hạ lưu sông Cả ở mức BĐ1 và trên BĐ1. Trong tháng 8, khu vực xuất hiện 3 đợt lũ vào các ngày 01-02/8, ngày 25-27/8 và ngày 30-31/8; mực nước cao nhất tháng trên các trạm chính phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2. Trong tháng 9, từ ngày 26-30/9, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh đã xuất hiện một đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên phần lớn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và sông Ngàn Phố ở mức BĐ3 và trên BĐ3; hạ lưu sông Cả, sông Chu ở mức BĐ2-BĐ3; hạ lưu sông La, sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2

Lưu lượng dòng chảy trong các tháng 8-9/2025, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 7-60%, trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 89% trong tháng 7; riêng sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 25% trong tháng 7 và sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 22% trong tháng 9.

Trong những ngày đầu tháng 10, mực nước các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm dần. Mực nước thượng lưu các sông ở Thanh Hóa biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trong tháng 11, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần; riêng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuất hiện 3 đợt lũ vừa nhỏ, mực nước đỉnh lũ lớn nhất trong tháng 11 trên sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2; trung lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Trong tháng 12/2025, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

Trong tháng 10-11/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 8-94%. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 117% trong tháng 11; riêng sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 18%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50% trong tháng 10.

Trong tháng 12/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 30%, sông Cả tại trạm Yên Thượng xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 16%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 63%.

- *Các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế:*

+ Từ tháng 01-04/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và theo xu thế giảm dần. Tháng 5-6, trên các sông xuất hiện 02 đợt dao động nhỏ và 1 đợt lũ từ ngày 11-15/6, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2, riêng sông Kiến Giang, sông Thạch Hãn (Quảng Trị) và sông Bồ (TP Huế) ở mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến cao hơn 40%, riêng sông Tả Trạch cao hơn 200%.

+ Từ tháng 7-8/2025, trên các sông trong khu vực đã xuất hiện 2 đợt lũ vào các ngày từ 25-27/8 và từ 30-31/8. Đỉnh lũ cao nhất ở mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Kiến Giang tại trạm Lệ Thủy ở mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-8/2025, trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế cao hơn TBNN cùng kỳ từ 38-145%, sông Bến Hải (Quảng Trị) tại trạm Gia Vòng thấp hơn 17%.

+ Tháng 9-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 4-5 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 28-30/9 và từ ngày 21-25/10; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, từ ngày 01-05/11 và từ ngày 16-20/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10 và từ ngày 01-05/11, *trên sông Bồ và sông Hương (TP Huế) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc 5,31m (13h/03/11), trên BĐ3 0,81m, vượt lũ lịch sử năm 2020 (5,24m), trên sông Hương tại trạm Kim Long 5,05m (20h/27/10), trên BĐ3 1,55m*, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3 và trên mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông cao hơn TBNN cùng kỳ từ 44-100%, riêng các sông phía bắc Quảng Trị cao hơn khoảng 15%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2100-3100mm, riêng phía nam Quảng Trị đến Huế phổ biến 3700-5000mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:*

Từ tháng 01-9/2026: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần từ tháng 1-4/2026 và tăng trở lại trong các tháng 5-9/2026. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 5-22%; các sông ở Nghệ An ở mức tương đương TBNN trong các tháng 1-4 và thấp hơn từ 10-35% trong các tháng 5-9; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu ở mức tương đương TBNN trong các tháng 1-3/2026 và thấp hơn từ 5-15% trong các tháng 4-9; sông Ngàn Phố thấp hơn từ 13- 70%.

Từ tháng 10-12/2025, Lưu lượng dòng chảy các sông tăng trong tháng 10

sau đó giảm dần trong tháng 11-12. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 15-65%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 15-30%; sông Ngàn Sâu ở mức tương đương TBNN trong tháng 10 và cao hơn từ 5-15% trong tháng 11-12; sông Ngàn Phố thấp hơn từ 15-30.

+ *Các sông từ Quảng Trị đến Thừa Thiên Huế:*

Từ tháng 01-4/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần.

Từ tháng 5-7/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động.

Từ tháng 8-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-5 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy năm thấp hơn khoảng 20-40% đến xấp xỉ TBNN, riêng sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn từ 70-90%.

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ: phía Bắc từ 3000-4000mm, riêng Trà My 6912mm, phía Nam: phổ biến từ 1200-2500mm, có nơi thấp hơn; Cao nguyên Trung Bộ phổ biến 1800-2500mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại Cát Tiên (Lâm Đồng) 3977mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:*

Từ tháng 01-4/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và theo xu thế giảm dần. Tháng 5-6, mực nước trên các sông xuất hiện 02 đợt dao động nhỏ và 1 đợt lũ từ ngày 11-15/6 trên các sông ở TP Đà Nẵng, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2 và trên mức BĐ2. Tổng lượng dòng chảy các sông cao hơn từ 77-120%, riêng sông Vu Gia (Đà Nẵng) tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn từ 45-60%.

Từ tháng 7-8/2025, trên các sông dòng chảy đã xuất hiện 2 đợt dao động vào các ngày từ 02-04/7 và từ ngày 26-28/8. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-8/2025 ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 165-179%, sông Vu Gia (TP Đà Nẵng) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 30-49%.

Tháng 9-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 4-5 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 28-30/9, từ ngày 06-08/11 và từ ngày 03-06/12; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, từ ngày 01-05/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10, trên sông Vu Gia-Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 10,60m (19h/29/10), trên BĐ3 1,60m,

trên sông Thu Bồn tại trạm Câu Lâu 5,62m (02h/30/10), trên BĐ3 1,62m, vượt lũ lịch sử năm 1964 (5,48m), đỉnh lũ sông Trà Khúc tại trạm Trà Khúc và sông Vệ tại trạm Sông Vệ (Quảng Ngãi) cao hơn BĐ3 từ 0,38-1,37m. Tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 20-68%, riêng sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn khoảng 70%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 01 đến tháng 8/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm; trong tháng 9 xuất hiện vài đợt dao động, từ nửa cuối tháng 10 đến 12/2025 trên các sông đã xuất hiện 4 đợt lũ và vài đợt dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn cao hơn 23% so với TBNN, sông Cái Nha Trang ở mức cao hơn 67% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến 2000-3500mm, có nơi cao hơn; khu vực cao nguyên Trung Bộ phổ biến 1300-2200mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:

Từ tháng 01-4/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần.

Từ tháng 5-8/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động.

Tháng 9-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-5 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy được bổ sung và tăng cao.

Tổng lượng dòng chảy năm trên các sông cao hơn từ 20-40%, sông Vu Gia tại trạm Thành Mỹ và sông Vệ tại trạm An Chỉ thấp hơn từ 25-70%.

+ Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:

Từ tháng 01-8/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm dần; các tháng 9 và đầu tháng 10/2026, lưu lượng dòng chảy có dao động. Từ nửa cuối tháng 10 -12/2026, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 3-5 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng.

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 01 đến tháng 12/2026, trên sông Ba tại Củng Sơn xấp xỉ TBNN, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 48% so với TBNN.

5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1500-2500mm; có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Sông Sê San, Srepok:*

Từ tháng 1-3/2025, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi; riêng sông Krông Ana (Đắk Lắk) từ ngày 23-26/02 xuất hiện 1 đợt dao động với biên độ nước lên là 3,2m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giai đoạn này biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy các sông lưu vực Sê San phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 8-70%, sông Đắk Tô Kan và các sông lưu vực Srêpôk cao hơn từ 32-83%.

Từ tháng 4-6/2025, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 20-100%, một số sông ở mức cao hơn nhiều; riêng trên sông Đắkbla tại trạm Kon Plông và Kon Tum tổng lượng dòng chảy thấp hơn từ 23-52% so với TBNN cùng kỳ.

Từ tháng 7-9/2025, trên sông Krông Ana xuất hiện 3 đợt dao động với biên độ từ 1,63-3,30m; hạ lưu sông Srêpôk xuất hiện 3 đợt lũ nhỏ và vừa do ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Bản Đôn lên mức BĐ2; các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk phổ biến dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 30-67%, riêng sông Pô Kô và Đắk Tô Kan thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 26-38%.

Trong các tháng mùa lũ từ tháng 10-12/2025, trên các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk đã xuất hiện 2-3 đợt lũ vừa và lớn, biên độ trong các trận lũ lớn từ 3,34-7,63m; đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 26-81%, riêng hạ lưu sông Đắkbla thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ khoảng 71%.

+ *Sông Cửu Long:*

Tổng lượng dòng chảy từ tháng 01 đến tháng 3/2025, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn từ 5-10% so với TBNN cùng kỳ. Từ tháng 4 đến tháng 6, tổng

lượng dòng chảy ở mức thấp hơn từ 15-25% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy tháng 7 đến tháng 10 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 40-80%. Từ cuối tháng 10, tổng lượng dòng chảy với xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy tháng 11 và tháng 12 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 50-70%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1200-2000mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Sông Sê San, Srepok:*

Từ tháng 01-03/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Sê San thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 39-63%; lưu vực sông Srêpôk phổ biến cao hơn từ 20-45%, riêng Krông Búk và Ea Krông ở mức cao hơn từ 98-109%.

Từ tháng 4-6/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy sông ĐăkBlá (lưu vực Sê San) thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 24-56%; các sông còn lại ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 14-44%, riêng Krông Búk và Ea Krông ở mức cao hơn từ 86-90%.

Từ tháng 7-9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 26-68%; riêng sông Đăk Tô Kan, sông Krông Ana và Ea Krông cao hơn TBNN cùng kỳ từ 6-28%.

Từ tháng 10-12/2026, trên các sông chính có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 21-49%. Riêng sông Đăkblá lưu lượng dòng chảy thấp hơn từ 26-72% so với TBNN.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông ĐăkBlá tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 60%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 20%.

+ *Sông Cửu Long:*

Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tháng 1/2026 phổ biến ở mức cao hơn TBNN khoảng 20-35%. Từ tháng 02 đến tháng 5, tổng lượng về ĐBSCL ở mức cao hơn TBNN từ 10-15%. Từ cuối tháng 5, tổng lượng dòng chảy có xu thế lên dần. Từ tháng 6 đến tháng 9, tổng lượng ở mức cao hơn TBNN từ 5-10%. Từ cuối tháng 10, tổng lượng dòng chảy với xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12 về đầu nguồn sông

Cửu Long ở mức tương đương TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/04/2026

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 1/2026 đến tháng 12/2026

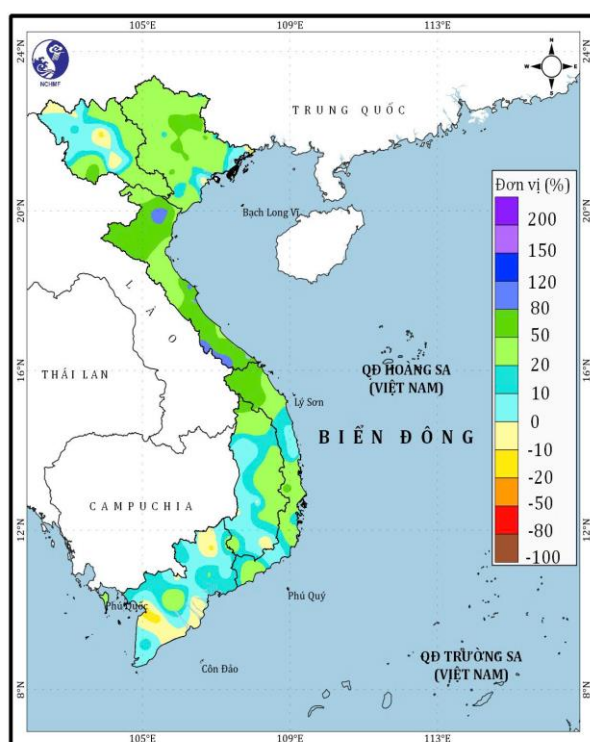
Sông	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	2410	33	1300-2000	<5-10%
Thao	Yên Bái	2593	42	1300-2000	<5-10%
Lô	Tuyên Quang	2369	48	1300-2000	Xấp xỉ
Hồng	Hà Nội	2904	59	1200-1900	<5-10%
Cầu	Gia Bảy	2065	24	1200-1900	<5-10%
Lục Nam	Chũ	1878	38	900-1700	Xấp xỉ
Mã	Cẩm Thủy	2334	35	1200-1800	<5-10%
Cả	Yên Thượng	2612	45	1200-1800	<5-10%
La	Hòa Duyệt	3488	45	2000-3000	Xấp xỉ
Tả Trạch	Thượng Nhật	6491	67	3000-4000	Xấp xỉ
Thu Bồn	Nông Sơn	6912	61	3500-4500	Xấp xỉ
Trà Khúc	Sơn Giang	4368	14	3500-4300	Xấp xỉ
Ba	Củng Sơn	2649	25	1500-2300	<5-10%
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	1633	9	1000-2000	Xấp xỉ
ĐăkBlá	Kon Tum	2240	18	1700-2300	Xấp xỉ
Srêpôk	Giang Sơn	2056	12	1600-2200	Xấp xỉ
Tiền	Tân Châu	1503	14	1000-1800	Xấp xỉ
Hậu	Châu Đốc	1503	14	1000-1800	Xấp xỉ

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 1/2026 đến tháng 12/2026

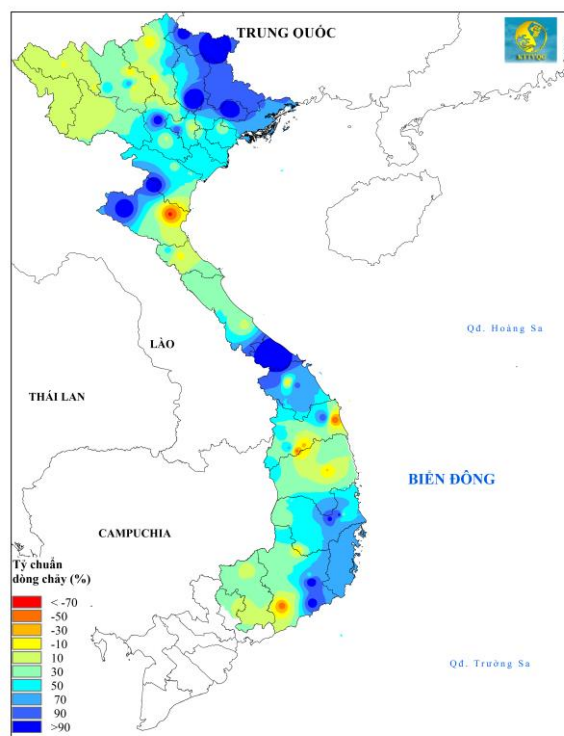
Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	64649	>19%	50458	<8%
Thao	Yên Bái	16083	<10%	14191	<20%
Lô	Tuyên Quang	15074	<34%	13560	<41%
Cầu	Gia Bảy	79282	>25%	69379	>9%
Lục Nam	Chũ	2996	>55%	2523	>30%
Hồng	Hà Nội	2208	>78%	1577	>27%
Mã	Cẩm Thủy	15893	>37%	13426	>16%
Cả	Yên Thượng	16062	TBNN	12652	<21%
La	Hòa Duyệt	4407	>28%	3608	>5%
Tả Trạch	Thượng Nhật	1263	>153%	941	>88%

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN
Thu Bồn	Nông Sơn	15957	>75%	11953	>31%
Trà Khúc	Sơn Giang	11536	>80%	8932	>39%
Ba	Củng Sơn	9520	>23%	7600	<2%
Cái NT	Đồng Trăng	2563	>67%	2334	>48%
ĐăkBlá	Kon Tum	1110	<59%	1064	<60%
Srêpôk	Giang Sơn	3550	> 42%	3006	>20%
Tiền	Tân Châu			380387	>15%
Hậu	Châu Đốc			70294	>7%

**Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước
từ tháng 1/2025 đến tháng 12/2025**



*Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa
so với TBNN*



*Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng
lượng dòng chảy so với TBNN*